|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****XÃ………….** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *……, ngày…tháng…năm ……* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng thuộc diện được hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất (chuyển đổi nghề), nước sinh hoạt phân tán thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, trên địa bàn xã........................................., năm ........**

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/20/2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;* *Thông tư số 02/2023/TT-UBDT của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn i: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ* *…*

 Sau khi thực hiện quy trình rà soát, lập danh sách và tiến hành thông báo (tại Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm của UBND xã …..); UBND xã……. báo cáo UBND huyện Kết quả rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng thuộc diện được hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất (chuyển đổi nghề), nước sinh hoạt phân tán thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, trên địa bàn xã.......................................... năm ……........; cụ thể như sau:

 **I. QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN RÀ SOÁT, LẬP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG**

 *(Báo cáo tóm tắt nội dung quá trình rà soát, lập danh sách đối tượng, thông báo (niêm yết công khai hoặc thông báo qua Đài truyền thanh xã); những ý kiến, giải quyết ý kiến phản ánh trong quá trình thực hiện việc rà soát, lập danh sách đối tượng; những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện...)*

 **II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, LẬP DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG**

 **1. Hỗ trợ đất ở**

 - Tổng số hộ thực hiện rà soát trên địa bàn xã: ….. hộ.

 - Tổng số hộ đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ.

 - Tổng số hộ không đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ. Lý do không đủ điều kiện hỗ trợ:……………………………………………………………………………..

 **2. Hỗ trợ nhà ở**

 - Tổng số hộ thực hiện rà soát trên địa bàn xã: ….. hộ.

 - Tổng số hộ đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ.

 - Tổng số hộ không đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ. Lý do không đủ điều kiện hỗ trợ:……………………………………………………………………………..

 **3. Hỗ trợ đất sản xuất**

 - Tổng số hộ thực hiện rà soát trên địa bàn xã: ….. hộ.

 - Tổng số hộ đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ.

 - Tổng số hộ không đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ. Lý do không đủ điều kiện hỗ trợ:……………………………………………………………………………..

**4. Hỗ trợ chuyển đổi nghề**

 - Tổng số hộ thực hiện rà soát trên địa bàn xã: ….. hộ.

 - Tổng số hộ đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ.

 - Tổng số hộ không đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ. Lý do không đủ điều kiện hỗ trợ:……………………………………………………………………………..

 **5. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán**

 - Tổng số hộ thực hiện rà soát trên địa bàn xã: ….. hộ.

 - Tổng số hộ đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ.

 - Tổng số hộ không đủ điều kiện hỗ trợ: ….. hộ. Lý do không đủ điều kiện hỗ trợ:……………………………………………………………………………..

*(Có danh sách chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)*

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

………………………………………..

 UBND xã ............ báo cáo và đề nghị UBND huyện tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBND huyện (B/c);- Cơ quan chủ trì dự án cấp huyện(để thẩm định);- ……………………;- ……………………….; - …………………………;- Lưu: VT…. | **TM. UBND XÃ...............****CHỦ TỊCH** |

**Phụ lục I**

**DANH SÁCH**

**đối tượng thuộc diện được hỗ trợ đất ở thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG**

**phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN, trên địa bàn xã………………..., năm .......**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm của UBND xã ………………. )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên chủ hộ** | **Nơi thường trú**  | **Dân tộc** | **Ngày tháng năm được UBND xã phê duyệt là hộ nghèo** | **Mã số hộ nghèo** | **Kết quả bình xét** *(Số người đồng ý/tổng số người tham dự)* | **Thuộc đối tượng ưu tiên**  | **Nhu cầu vay vốn tín dụng từ ngân hàng CSXH** | **Ghi chú** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* |
| **I** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)* |  | *........., ngày ... tháng ... năm .....***TM. UBND XÃ……………****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục II**

**DANH SÁCH**

**đối tượng thuộc diện được hỗ trợ nhà ở thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG**

**phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN, trên địa bàn xã………………..., năm .......**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm của UBND xã ………………. )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên chủ hộ** | **Nơi thường trú**  | **Dân tộc** | **Ngày tháng năm được UBND xã phê duyệt là hộ nghèo** | **Mã số hộ nghèo** | **Kết quả bình xét** *(Số người đồng ý/tổng số người tham dự)* | **Thuộc đối tượng ưu tiên**  | **Nội dung đăng ký nhu cầu hỗ trợ nhà ở** | **Nhu cầu vay vốn tín dụng từ ngân hàng CSXH** | **Ghi chú** |
| *Xây mới* | *Sửa chữa* |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* |
| **I** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)* |  | *........., ngày ... tháng ... năm .....***TM. UBND XÃ……………****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục III**

**DANH SÁCH**

**đối tượng thuộc diện được hỗ trợ đất sản xuất (chuyển đổi nghề) thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG**

**phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN, trên địa bàn xã………………..., năm .......**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm của UBND xã ………………. )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên chủ hộ** | **Nơi thường trú**  | **Dân tộc** | **Ngày tháng năm được UBND xã phê duyệt là hộ nghèo** | **Mã số hộ nghèo** | **Kết quả bình xét** *(Số người đồng ý/tổng số người tham dự)* | **Thuộc đối tượng ưu tiên**  | **Đăng ký nhu cầu hỗ trợ** | **Phương thức hỗ trợ** *(trường hợp không có nhu cầu học nghề)* | **Nhu cầu vay vốn tín dụng từ ngân hàng CSXH** | **Ghi chú** |
| *Hỗ trợ đất sản xuất* | *Mua sắm nông cụ, máy móc làm dịch vụ sản xuất nông nghiệp, làm các ngành nghề khác* | *Học nghề* | *Hộ dân tự mua sắm và nhận hỗ trợ bằng tiền* | *Hộ dân nhận hỗ trợ bằng hiện vật*  |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| **I** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)* |  | *........., ngày ... tháng ... năm …...***TM. UBND XÃ……………****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ lục IV**

**DANH SÁCH**

**đối tượng thuộc diện được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1 Chương trình MTQG**

**phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS&MN, trên địa bàn xã………………..., năm .......**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm của UBND xã ………………. )*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên chủ hộ** | **Nơi thường trú**  | **Dân tộc** | **Ngày tháng năm được UBND xã phê duyệt là hộ nghèo** | **Mã số hộ nghèo** | **Kết quả bình xét** *(Số người đồng ý/tổng số người tham dự)* | **Thuộc đối tượng ưu tiên**  | **Đăng ký nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán** | **Phương thức hỗ trợ** *(trường hợp mua vật dụng dẫn nước, chứa nước)* | **Ghi chú** |
| *Đào giếng*  | *Mua vật dụng dẫn nước, chứa nước (ống dẫn nước, lu, bồn, téc)* | *Tự làm bể chứa nước* | *Tự tạo nguồn nước khác* | *Hộ dân tự mua sắm và nhận hỗ trợ bằng tiền* | *Hộ dân nhận hỗ trợ bằng hiện vật*  |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* | *(10)* | *(11)* | *(12)* | *(13)* | *(14)* | *(15)* |
| **I** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thôn……….** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, họ tên)* |  | *........., ngày ... tháng ... năm .....***TM. UBND XÃ……………****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |